

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2021/DS-ST

Ngày: 13 - 7 - 2021

“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc San.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đăng Huân và ông Y Míp Niê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng: Bà Nguyễn Thị Thủy -
Kiểm sát viên:

Ngày 13 tháng 7 năm 2021, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2021/TLST- DS, ngày 24 tháng 02 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2021/QĐST - DS ngày 02 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2021/QĐST – DS ngày 24 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V.

Địa chỉ: 35 H, Quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Cao T – Phó Giám đốc Phòng giao dịch K, Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V (Quyết định ủy quyền số 1043a/BIDV.BH ngày 22/6/2021, Có mặt).

Địa chỉ: 105 N, Thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đình Đ và bà Trịnh Thị H (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Cao T trình bày:

- Ngày 28/02/2019 Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển V - Phòng giao dịch K (sau đây gọi tắt là ngân hàng) và vợ chồng ông bà Nguyễn Đình Đ - Trịnh Thị H (Do bà Huyền làm đại diện) đã ký kết 02 Hợp đồng tín dụng, gồm:

+ Hợp đồng tín dụng số 01/2019/6185548/HĐTD với nội dung: Ngân hàng cho ông Đ và bà H vay số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng), thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày giải ngân, mức lãi suất trong hạn là 11,9%/năm, trả lãi 03 tháng lần. Mục đích vay để chi tiêu sinh hoạt.

+ Hợp đồng tín dụng số 02/2019/6185548/HĐTD với nội dung: Ngân hàng cho ông Đ và bà H vay số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày giải ngân, mức lãi suất trong hạn là 11,6%/năm, trả lãi 03 tháng lần. Mục đích vay để sản xuất nông nghiệp.

Tổng hai khoản vay là 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng). Sau khi ký kết hợp đồng ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền vay theo hợp đồng cho ông Đ và bà H.

Tài sản thế chấp để bảo đảm các khoản vay nói trên là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận QSD đất số BG BG 657413 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 27/3/2014 mang tên ông Nguyễn Đình Đ và bà Trịnh Thị H, thửa đất số 50 + 51, tờ bản đồ số 113, diện tích 18.050m², địa chỉ thửa đất tại xã Đ, huyện K. Việc thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 01/2014/6185548/HĐBĐ ngày 02/4/2014; Văn bản bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/2016/6185548/SĐBS ngày 18/3/2016 và Văn bản bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/2018/6185548/SĐBS ngày 27/02/2018.

Trong thời hạn vay tiền thì ông Đ và bà H mới trả được 600.000đ tiền gốc và 11.625.654đ lãi suất của hợp đồng vay thứ nhất (Trả lãi ngày 03/6/2019) và 15.199.428đ lãi suất của hợp đồng vay thứ 2 (trả ngày 03/6/2019 và ngày 14/02/2020). Khoản nợ gốc còn lại là 699.400.000đ và lãi suất tiếp theo mặc dù đã quá hạn nhưng ông Đ và bà H vẫn không trả, nên ngân hàng đã tiến hành khởi kiện ông Đ và bà H tại Tòa án.

Tính đến ngày Tòa án xét xử (Ngày 13/7/2021) ông Nguyễn Đình Đ và bà Trịnh Thị H còn nợ ngân hàng số tiền là 933.080.529đ (Chín trăm ba mươi ba triệu không trăm tám mươi ngàn năm trăm hai mươi chín đồng), trong đó: Tiền nợ gốc: 699.400.000đ; tiền lãi là: 233.680.529đ (Tiền lãi trong hạn là 168.648.597đ; lãi quá hạn là 56.520.325đ; lãi chậm trả đối với lãi là 8.511.607đ). Cụ thể các khoản nợ gốc, lãi theo từng hợp đồng như sau:

+ Hợp đồng tín dụng số 01/2019/6185548/HĐTD: Gốc là 399.400.000đ, lãi trong hạn là 101.267.501đ, lãi quá hạn là 32.637.038đ, lãi của lãi là 4.243.608đ).

+ Hợp đồng tín dụng số 02/2019/6185548/HĐTD: Gốc là 300.000.000đ, lãi trong hạn là 67.381.096, lãi quá hạn là 23.883.287đ, lãi của lãi là 4.267.999đ).

Do ông Nguyễn Đình Đ và bà Trịnh Thị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận. Vì vậy ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Đ và bà H phải trả toàn bộ số tiền 933.080.529đ, trong đó: Tiền nợ gốc: 699.400.000đ; tiền lãi là: 233.680.529đ, đồng thời phải chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 14/7/2021 cho đến khi trả hết nợ.

Trong trường hợp ông Đ và bà H không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

- Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Đình Đ trình bày:

Ông công nhận vợ chồng ông có vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển V số tiền 700.000.000đ. Nội dung hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp giữa vợ chồng ông với ngân hàng đúng như ngân hàng đã trình bày. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng vợ chồng ông chỉ mới trả được 600.000đ tiền nợ gốc và 26.825.082đ tiền lãi, hiện nay còn nợ ngân hàng tổng số nợ gốc là 699.400.000đ, và tiền lãi phát sinh tiếp theo, mặc dù nay đã quá hạn thanh toán nợ gốc và lãi. Ngân hàng khởi kiện vợ chồng

ông tại Tòa án là đúng. Do điều kiện kinh tế khó khăn không có khả năng trả nợ nên ông đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại phần tranh luận, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, trong đó trình bày:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ và đúng các quy định của bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa đương sự tuân thủ nội quy phiên tòa và sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay các bị đơn vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ, HĐXX thấy rằng: Giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V với ông Nguyễn Đình Đ và bà Trịnh Thị H đã xác lập giao dịch vay tiền. Do ngân hàng cho rằng ông Đ và bà H không trả nợ đúng hạn nên đã khởi kiện tại Tòa án. Vì vậy HĐXX xác định quan hệ pháp luật giữa ngân hàng với ông Đ, bà H là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Krông Năng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn thống nhất nội dung ý kiến về số tiền vay, thời hạn trả nợ cũng như số nợ đã trả, vì vậy đã có căn cứ xác định như sau:

+ Về số tiền vay: Căn cứ vào các tài liệu đã thu thập và ý kiến của các đương sự tại phiên tòa đã có cơ sở xác định: Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V – Chi nhánh B – Phòng giao dịch K đã ký kết với ông Nguyễn Đình Đ và bà Trịnh Thị H 02 Hợp đồng tín dụng gồm: Hợp đồng tín dụng số 01/2019/6185548/HĐTD và Hợp đồng tín dụng số 02/2019/6185548/HĐTD. Tổng hai khoản vay là 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng). Sau khi ký kết hợp đồng ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền vay theo hợp đồng cho ông Đ và bà H.

+ Về số tiền đã trả: Kể từ thời điểm vay cho đến nay ông Đ và bà H mới trả cho ngân hàng được 600.000đ tiền gốc và 11.625.654đ tiền lãi suất của khoản vay thứ nhất (Trả lãi ngày 03/6/2019) và 15.199.428đ tiền lãi suất của khoản vay thứ 2 (trả ngày 03/6/2019 và ngày 14/02/2020).

Theo thời hạn trả nợ mà các bên thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng thì tính đến thời điểm ngân hàng khởi kiện tại Tòa án các khoản vay của ông Đ và bà H đối với ngân hàng đều đã quá hạn trả nợ. Tuy nhiên cho đến nay ông Đ và bà H vẫn chưa trả xong nợ cho ngân hàng và cũng không bàn giao tài sản thế chấp cho ngân hàng để

xử lý nợ là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn thanh toán số nợ gốc còn lại và tiền lãi phát sinh là hoàn toàn có căn cứ.

[3]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, để đảm bảo quyền lợi cho bên bị vi phạm, HĐXX xét thấy cần áp dụng các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam, buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Trịnh Thị H phải trả cho ngân hàng toàn bộ số tiền tính đến ngày xét xử là 933.080.529đ, trong đó: Tiền nợ gốc: 699.400.000đ; tiền lãi là: 233.680.529đ.

Ông Nguyễn Đình Đ và bà Trịnh Thị H phải chịu lãi suất tiếp theo theo mức lãi suất quá hạn tại 02 hợp đồng tín dụng đã ký kết với ngân hàng, kể từ ngày 14/7/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Về xử lý tài sản thế chấp: Khi vay tiền ông Đ và bà H đã thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất. Vì vậy nếu ông Đ và bà H không trả được nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản mà ông Đ và bà H đã thế chấp cho ngân hàng để thu hồi nợ.

[4]. Về án phí: Ông Nguyễn Đình Đ và bà Trịnh Thị H là người có lỗi trong hợp đồng vay tài sản và phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, mức án phí phải chịu là: $36.000.000đ + 3\%(933.080.529đ - 800.000.000đ) = 39.992.415đ$.

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên sẽ được hoàn trả số tiền án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V.

1. Buộc ông Nguyễn Đình Đ và bà Trịnh Thị H phải liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V tổng số tiền là 933.080.529đ (Chín trăm ba mươi ba triệu không trăm tám mươi ngàn năm trăm hai mươi chín đồng), trong đó: Tiền nợ gốc: 699.400.000đ; tiền lãi là: 233.680.529đ (Cụ thể các khoản nợ gốc, lãi theo từng hợp đồng như sau: Hợp đồng tín dụng số 01/2019/6185548/HĐTD: Gốc là 399.400.000đ, lãi trong hạn là 101.267.501đ, lãi quá hạn là 32.637.038đ, lãi của lãi là 4.243.608đ); Hợp đồng tín dụng số 02/2019/6185548/HĐTD: Gốc là 300.000.000đ, lãi trong hạn là 67.381.096, lãi quá hạn là 23.883.287đ, lãi của lãi là 4.267.999đ).

Kể từ ngày 14/7/2021 cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Đình Đ và bà Trịnh Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng 01/2019/6185548/HĐTD và Hợp đồng tín dụng số 02/2019/6185548/HĐTD ngày 28/02/2019.

Sau khi ông Đ và bà H trả hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V, thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V có nghĩa vụ trả lại cho ông Đ và bà H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG BG 657413 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 27/3/2014 mang tên ông Nguyễn Đình Đ và bà Trịnh Thị H.

Trường hợp ông Đ và bà H không trả hoặc trả không hết nợ, thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất mà ông Đ và bà H đã thế chấp cho ngân hàng tại Hợp đồng thế chấp số số 01/2014/6185548/HĐBĐ ngày 02/4/2014 và các văn bản bổ sung hợp đồng thế chấp hợp đồng số 01/2014/6185548/HĐBĐ.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Đình Đ và bà Trịnh Thị H phải liên đới nộp 39.992.415đ (Ba mươi chín triệu chín trăm chín mươi hai ngàn bốn trăm mười lăm đồng) án phí dân sự có giá ngạch.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V số tiền 19.160.000đ (Mười chín triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo biên lai số AA2019/0015219 ngày 04/02/2021.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- THADS huyện Krông Năng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

BÙI NGỌC SAN